

STT	masv	HOÀ LỐT	TÂN	NGSINH	LẤP	2HK																										SỐ MÔN NỢ																								
						Viết tiếng việt	Toán Cao Cấp C	Anh văn SC 1	Tổng quan du lịch	Tin đại cương	TD&điền kinh	HK1	Anh văn SC 2	N&BT/V	Tổng quan ngành lưu trú	Xác xuất thống kê	NNLCB Triết học 1	Kinh tế vi mô	Nguyên lý kế toán 1	Pháp luật đại cương	GDTC 2	HK2		Anh ngữ TC 1	Am thực VN	Nguyên lý kế toán 2	Tin học ứng dụng	Tài nguyên du lịch	Căn bản kinh tế vi mô	Đường lối CM của DCSVN	Cải lương căn bản	HK 3	Số năng xin việc	Tiếp thị du lịch	Giới thiệu nghiệp vụ nhà hàng	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Ngành vụ buồng phòng	Kế thống thông tin quản lý	Quản trị học	HK4	HK3+4	6HK	Ngành Vụ Bán	Thiết kế & Điều hành Tour Du Lịch	Quản Trị Sư Kiến	Phân Tích Thống kê Du Lịch	Quản Trị Tài Chính 1	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	Ngành vụ lễ tân (TC 1)	HK5	Anh văn lễ tân	HK6	TB 6HK (10)	TB 6HK (4)		
						2	3	2	2	2	1	12	2	2	2	3	2	3	3	2	0	19	31	2	2	3	3	3	3	3	3	19	2	3	3	3	3	2	2	2	18	37	68	2	2	2	3	3	2	2	16	2	2	86		

A. DIỆN DƯ ĐK DƯ THI

1	161446040	Nguyễn Thị Tú	Anh	15/02/1992	K16DCD1	7.8	6.5	7.7	6.5	8.2	6.4	7.34	8.2	8.7	7.7	7.7	5.8	6.1	5.9	5.5	6.9	6.89	7.06	7.9	6.6	7.7	6.7	7.1	7	6.9	5.9	7.12	7.9	7.1	5.1	6.9	7.4	5.6	7.4	6.64	6.88	6.97	6.3	6.2	5.9	7.1	5.9	7.4	5.7	6.38	8.6	8.60	6.89	2.78	0
2	161446041	Lê Thuý	Anh	25/08/1992	K16DCD3	7.8	5.6	8.5	6.3	7.1	7.8	6.94	7.5	9.7	6.7	6.9	7	7	6.8	5	6.2	7.05	7.01	7.2	7.9	7.2	7	6.9	6.9	7.7	8.7	7.23	7.9	7.4	6.1	5.9	7	6.3	7.4	6.76	7.00	7.00	7.9	6.7	6.9	6.3	7.1	7	7	6.95	6.6	6.60	6.98	2.83	0
3	161446047	Nguyễn Văn Vũ	Bảo	24/05/1989	K16DCD2	6.9	5.1	8	5.9	7.6	8.9	6.64	8.3	8.1	6.9	6.7	5.7	6.6	6.5	4.9	8.7	6.69	6.67	8.3	8.1	6.8	7.3	7.5	7	5.9	7.6	7.17	7.6	7.8	6.6	6.1	7.3	6.3	7.7	6.98	7.08	6.89	8.5	6.3	7.5	8	6.4	8	6.5	7.30	8.3	8.30	7.00	2.88	0
4	161446486	Huỳnh Thị	Bình	06/05/1992	K16DCD3	7.1	5.4	6.9	6.8	8	7.9	6.82	6	8.5	5.4	7.2	5.8	8.3	8.3	5.3	8.8	7.02	6.94	6.9	7.2	6.9	7	6.9	7	5.5	7.4	6.74	8.2	6	6.6	5.5	6.2	6.8	6.6	6.48	6.62	6.76	8	7	7.3	7.6	7.5	7.4	5.9	7.28	7.6	7.60	6.88	2.79	0
5	161446982	Khuong Duy	Đại	08/10/1990	K16DCD5	7.9	4.6	6	6.7	6.7	4.1	6.26	7.3	8.1	7.2	6.1	6	7	6.7	6.4	6.5	6.81	6.6	7.1	6.6	7.4	6.5	6.9	5.8	7.3	6.3	6.79	7.6	6.5	6.3	6.1	6.8	7.8	8.3	6.97	6.88	6.75	7.7	5.7	6.5	6.2	7.4	8	7.9	7.03	7.1	7.10	6.81	2.75	0
6	151324634	Nguyễn Thị Nguyễn	Diễm	09/11/1991	K16DCD1	7.1	5.5	8.1	7.3	7.6	6.5	7.03	8.3	7.3	9.3	5.7	6	8.1	7.9	5.2	5.9	7.23	7.15	7.4	8.6	8.3	8.2	7.1	6.8	7.9	8.1	7.73	8.4	6.7	6.4	8.5	8.7	7.2	8.2	7.61	7.67	7.43	8.9	8	8.1	7.1	7.4	8	8.7	7.93	7.3	7.30	7.52	3.20	0
7	161446062	Lương Thị Thuý	Diễm	20/10/1992	K16DCD3	8	6.6	7.9	6.8	7.2	7.8	7.23	7.2	8.9	6.4	5.6	6.9	8.6	5.8	5.2	8.3	6.80	6.97	7	7.7	7.9	6.4	7.2	7	7.7	6.7	7.26	8.3	7.7	7.1	6.6	7.1	6.7	8	7.28	7.27	7.13	8.3	7.9	7.5	6.6	7.8	7	8.4	7.59	6.9	6.90	7.21	3.00	0
8	161446063	Nguyễn Thị	Diệu	22/05/1992	K16DCD5	7.6	6.6	7.6	7.6	6.2	7.4	7.00	7.2	8.3	6.2	7.8	5.3	8.5	7.2	5.7	6.5	7.15	7.09	6.5	7.8	8.9	6.9	5.7	6	5.4	7.3	6.70	8.4	6.5	6.4	7.1	6.7	7.9	8.6	7.28	6.98	7.03	7.4	6.1	7.2	7	7.9	8	7.7	7.34	6.8	6.80	7.09	2.91	0
9	161447410	Hồ Thị	Diệu	10/02/1992	K16DCD4	7.9	6.7	7.9	7.9	7.3	7.6	7.45	8	8.4	7.1	6.6	7.1	8.4	7.7	6.1	8	7.45	7.45	7.7	8.2	8.5	7.9	7.7	7.3	6.9	7.6	7.72	8.6	7.1	7.4	8.2	7.6	7.4	8.6	7.77	7.75	7.61	8.3	7.5	8.2	7.4	6.9	8.9	8	7.79	8.1	8.10	7.66	3.27	0
10	161446693	Trần Quang	Dự	22/04/1992	K16DCD4	7	4.3	5.6	6.2	6.7	8.6	5.88	7.1	7.6	6.5	6.1	5.1	5.6	5.7	5	7.7	6.04	5.98	6.6	6.8	7.1	6.5	8.1	8	5.3	7.7	6.94	7.7	8.5	6.5	7.6	6.6	6.5	8.6	7.39	7.16	6.62	7.3	8	8	6.4	6.3	8.6	8.2	7.39	6.5	6.50	6.76	2.75	0
11	161446070	Nguyễn Thuý	Dung	04/11/1992	K16DCD2	7.8	6.7	7.2	6.2	7.2	6.9	7.01	7.4	7.9	8.2	7.9	6.1	6.3	6.8	6.5	6.5	7.12	7.07	7.8	7.6	6.2	7.7	7.6	7.3	8	6.6	7.43	8.7	7.3	6.8	6.6	7.1	6.8	7.7	7.19	7.32	7.21	8.4	7.1	7.5	8.3	7.1	8.2	7.8	7.76	8.6	8.60	7.34	3.08	0
12	161446073	Ngô Thị Phương	Dung	04/08/1992	K16DCD5	5.7	6.5	6.9	6.1	6.3	5.2	6.32	6.2	8.5	6.8	8	5.3	7.8	7.8	5.7	6.5	7.15	6.83	6.1	5.5	8	7.6	6.2	6.1	5.6	5.9	6.51	7.4	6.7	6.5	6.3	5.9	8.1	7.6	6.92	6.71	6.76	7.3	5.6	6.8	6.8	6.9	7.2	6.2	6.71	6.7	6.70	6.75	2.70	0
13	161446758	Nguyễn Thị Minh	Dung	03/11/1992	K16DCD1	8.3	4.9	6.9	7.6	7.5	8.3	6.90	7.9	8.2	7.1	7.2	6.2	6.6	7.2	4.7	9.1	6.91	6.9	7.1	6.4	7.2	8.1	7.9	8.4	7.2	8.5	7.55	8.2	7.5	6.3	6.1	8.1	6	7.4	6.95	7.26	7.10	7.4	7.3	6.6	7.2	6.5	7.9	6	6.97	7.1	7.10	7.07	2.93	0
14	161447411	Lưu Thị Thanh	Dung	16/12/1992	K16DCD2	8.1	7.3	8.1	6.1	6.5	7.6	7.17	7.9	9.3	9.3	8.9	6.4	8.3	7	4.6	7.4	7.77	7.54	7.9	8	7	6.5	7.5	7.4	6	5.9	7.11	8.2	6.8	6.1	6.1	6.8	6.2	7.3	6.68	6.90	7.19	7.6	7.1	7.1	6.5	6.9	7.7	6.6	7.03	8.2	8.20	7.18	2.99	0
15	161446077	Lê Thị Cẩm	Duyên	11/09/1992	K16DCD5	8.1	7.3	8.1	8.3	7.7	7.1	7.83	8.4	8.5	7.8	8.6	5.9	8.5	8.7	5.9	7.2	7.92	7.88	8.3	8.2	9.6	8.7	7.8	7.6	6.4	6.3	8.07	8.2	8.8	7.5	8.7	8	8.9	8.8	8.43	8.24	8.08	8.3	6.6	7.8	7.6	8.5	9	8.5	8.04	8.3	8.30	8.08	3.55	0
16	161446078	Nguyễn Thị Bích	Duyên	19/12/1992	K16DCD1	7.4	5.7	6.5	6	7	5.7	6.49	7.2	6.8	6.4	7.4	7.1	6.8	8.8	5.7	8	7.13	6.88	6.8	8.6	8.1	7.7	8.2	6.8	6.5	6.5	7.51	8.5	7.4	8.1	8	7.4	5.4	8.1	7.48	7.50	7.22	8.8	8	7.1	7.6	7.6	8	8	7.84	7.6	7.60	7.34	3.10	0
17	161446079	Đinh Công	Em	05/12/1991	K16DCD2	6.2	6.1	7.1	6.5	6.6	6.1	6.48	6.3	7.5	5.9	7.5	6	7.1	6.8	4.4	6.6	6.55	6.52	6.2	6.6	6.6	6.6	7.8	7.4	7.3	6.5	6.98	7.5	6.6	5.3	5	6.5	5.9	7.3	6.17	6.59	6.56	8	6.5	6.3	7.1	5.1	6.8	6.3	6.53	8	8.00	6.58	2.60	0
18	161446080	Nguyễn Ngọc Hà	Giang	12/11/1991	K16DCD2	8.2	8.8	8.3	7.1	9.2	5.7	8.43	9.1	8.6	7.4	7.9	7.1	8.8	6.8	5.5	0	7.68	7.97	9.2	7.5	9.6	9.5	9	9.3	7.9	4.7	8.91	8.9	7.6	5.8	8.3	8	7.2	7.6	7.54	8.24	8.12	7.7	8	7.6	9.1	8.6	8.6	7.2	8.21	8.1	8.10	8.13	3.52	0
19	161446082	Phan Hồ Thị Thuý	Hà	04/08/1991	K16DCD3	7	8.5	7.1	7.1	7.2	7.4	7.46	6.4	7.1	7.7	8.8	5.9	7.6	5.2	7.4	5.1	7.04	7.2	6.9	6.6	7.3	9.1	7.6	7.1	7	7	7.44	7.7	6.1	6.6	6.5	6.8	7.2	7.8	6.88	7.16	7.18	7.2	7.4	7.1	6.9	7.6	8.3	7	7.34	5.8	5.80	7.18	2.98	0
20	161446613	Đặng Thị Mỹ	Hàng	02/02/1992	K16DCD1	8.1	5.9	6.9	7.2	6.2	6.5	6.73	7.7	7.5	6.7	7.6	7	7.3	7.2	6.7	8	7.24	7.04	7.2	6.5	8.1	7.6	8	6.7	6.8	5.7	7.32	8.5	8	6.8	8.6	7.5	7	8.4	7.58	7.54	7.31	9.2	7.7	7.7	7.4	7.1	9	7.6	7.87	7.4	7.40	7.42	3.14	0
21	161446087	Trần Thị Mỹ	Hành	30/01/1992	K16DCD4	6.5	4.7	7.1	7.1	7	6.5	6.38	7.3	8.4	6.5	5.5	7	7.9	6.7	4.8	8.1	6.75	6.61	7.3	6.9	7	7.5	7	8.3	5.3	7.6	7.04	8	5.7	6.1	5.9	6.9	6.9	7	6.53	6.79	6.71	8.6	6.8	7.1	6.5	5.5	8.7	6.99	7.2	7.20	6.77	2.75	0	
22	161446090	Trần Mai Dạ	Hào	29/01/1992	K16DCD5	5.9	5.4	8	7.6	8.7	7.4	7.11	7	8.4	5.6	7.8	5.6	6.8	5.9	4.6	7.2	6.52	6.75	6.3	5	7.1	7.8	4.2	6.7	4.7	4.7	6.01	8	6.1	5.9	4.7	6.2	8.4	6.5	6.48	6.24	6.47	7.7	7.1	6.1	7.7	6	6.5	7.5	6.93	6.9	6.90	6.57	2.60	0
23	161446828	Trần Thị Thu	Hiền	25/08/1992	K16DCD3	8	4.9	7.4	6.7	8	8	6.91	6.3	9.3	7.8	8.4	6	7.1	7.1	5.2	9.1	7.21	7.09	6.1	8.2	7.3	7.8	8.2	6.7	7	5.3	7.35	8.5	7.5	7	7.																			

STT	masv	HỌ TÊN	TÊN	NGSINH	LỚP																															SỐ MÔN	NO																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
																2HK											2HK																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
						Viết tiếng việt	Toán Cao Cấp C	Anh văn SC 1	Tổng quan du lịch	Tin đại chúng	TD&diễn kinh	HK1	Anh văn SC 2	N&T&TV	Tổng quan ngành lưu trú	Xác xuất thống kê	NNLCB Triết học 1	Kinh tế vi mô	Nguyên lý kế toán 1	Pháp luật đại cương	GDTC 2	HK2		Anh ngữ TC 1	Âm thực VN	Nguyên lý kế toán 2	Tin học ứng dụng	Tài nguyên du lịch	Cần bản kinh tế vi mô	Đường lối CM của ĐCSVN	Cầu lông cầu bàn	HK 3	Kỹ năng xin việc	Tiếp thị du lịch	Giới thiệu nghiệp vụ nhà hàng	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Nghiệp vụ buồng phòng	Tệ thống thông tin quản lý	Quản trị học	HK4	HK3+4	HKK	Nghiệp vụ Bán	Thiết Kế & Điều Hành Tour Du Lịch	Quản Trị Sư Kiện	Phân Tích Thống Kê Du Lịch	Quản Trị Tài Chính 1	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	Nghiệp vụ lễ tân (TC 1)	HK5	Anh văn lễ tân	HK6	TB 6HK (10)	TB 6HK (4)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
2	3	2	2	3	1	12	2	2	2	3	2	3	3	3	0	19	31	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

B. ĐIỆN VỐT ĐK DƯ/ THI

STT	masv	HỌ TÊN	TÊN	NGSINH	LỚP																				2HK																									SỐ MÔN	NQ					
						Viết tiếng việt	Toán Cao Cấp C	Anh văn SC 1	Tổng quan du lịch	Tin đại cương	TD&điền kinh	HK1	Anh văn SC 2	N&BTVC	Tổng quan ngành lưu trú	Xác xuất thống kê	NNLCB Triết học 1	Kinh tế vi mô	Nguyên lý kế toán 1	Pháp luật đại cương	GDTC 2	HK2	Anh ngữ TC 1	Am thực VN		Nguyên lý kế toán 2	Tin học ứng dụng	Tài nguyên du lịch	Cần bản kinh tế vi mô	Đường lối CM của DCSVN	Cải tạo căn bản	HK 3	Kỹ năng xin việc	Tiếp thị du lịch	Giới thiệu nghiệp vụ nhà hàng	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Nghiệp vụ buồng phòng	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị học	HK4	HK3+4	4HK	Nghiệp vụ Bán	Thiết Kế & Điều Hành Tour Du Lịch	Quản Trị Sư Kiện	Phân Tích Thống Kê Du Lịch	Quản Trị Tài Chính 1	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	Nghiệp vụ lễ tân (TC 1)			HK5	Anh văn lễ tân	HK6	TB 6HK (10)	TB 6HK (4)
2	3	2	2	3	1	12	2	2	2	3	2	3	3	2	0	19	31	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	2	18	37	68	2	2	2	3	3	2	2	16	2	2	86										
1	161446037	Nguyễn Lê Thuý	An	31/10/1992	K16DCD1	7.7	5.3	6.8	6.2	6.6	6.9	6.43	7.1	8.1	6.3	0	5.3	5.6	5.9	5.6	7.4	5.23	5.69	7.9	6.8	7.8	8.5	6.6	6.7	5.5	6.1	7.09	7.4	6.7	5.3	6.5	7.2	7.4	7.4	6.76	6.93	6.36	7.7	5.3	6.7	6.1	6.7	7.2	7	6.64	7.8	7.80	6.45	2.55		
2	161446039	Lê Ngọc	Anh	30/03/1992	K16DCD2	6.8	5.2	7.2	6.4	6.9	4.6	6.43	6.9	7.6	6.4	5.7	7.2	6.1	7.1	5.5	4.7	6.52	6.48	6.4	6.2	4.3	7.2	6.5	7.2	0	5.9	5.31	7.9	6.4	5.4	4.9	6.4	6.5	7.5	6.29	5.78	6.10	7.4	6.2	6.7	6.5	6	8	5.7	6.59	7.8	7.80	6.23	2.41	1	
3	161446042	Lê Hồng	Anh	22/08/1992	K16DCD5	5.3	5.9	7.7	5.9	8.3	4.4	6.70	7.9	8.5	4.3	5.8	5.6	7.5	5.5	5.1	6.7	6.27	6.44	7.9	6.4	7.3	8.3	6	6.9	0	6.3	6.01	7.6	6.3	6	6.1	6	7.1	6.4	6.47	6.23	6.33	7.8	5.6	6.9	6.4	6.1	7.9	6.8	6.72	7.6	7.60	6.43	2.53	1	
4	161447671	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	12/06/1991	K16DCD5	7.8	5	6	6.9	6	0	6.20	7	9.1	5.4	6.7	6	5	0	7	0	5.48	5.76	6	8.7	7.3	8.3	7.3	5	5	6.7	6.74	8.2	6.8	5.6	6.5	7.2	5.6	8	6.68	6.71	6.28	6.8	6.4	7.2	6.8	7.2	7.8	6.6	6.98	6.9	6.90	6.42	2.55	1	
5	161446054	Nguyễn Thị Quý	Chi	05/09/1992	K16DCD5	5.9	4.8	5.5	7.2	5.7	5.4	5.73	7.1	8.4	6	5.6	6.1	6.3	6.5	5.7	6.7	6.41	6.15	6.7	9	8.3	8.1	7.1	6.2	7.3	5.9	7.49	8.2	6.9	6.7	8.5	5.8	8.3	7.7	7.48	7.49	6.88	8.4	6.7	7	0	6.1	7.5	6.3	5.63	7.3	7.30	6.65	2.70	1	
6	161447467	Lại Nguyễn Huy	Cường	08/06/1991	K16DCD3	6.7	4.7	5.9	5.7	7.8	6.2	6.18	6.1	7.7	0	5.2	6.2	6.9	6.6	6.9	7.3	5.78	5.94	5.6	0	5.9	5.2	6.1	6.7	4.7	5	5.11	8	6.4	6	6.1	5.9	5.5	5.9	6.20	5.64	5.77	7.7	4.6	6.8	6.3	6.1	7.8	6.2	6.46	6.3	6.30	5.91	2.24	2	
7	161446065	Lê Văn Trung	Đồng	25/02/1992	K16DCD2	5.6	6	7.4	6.5	7.7	8.1	6.68	0	7.5	6.8	5.9	6.2	7.7	7.1	4.7	7.2	5.92	6.21	6	7.6	7.7	7.4	7.5	7.3	6.2	7.6	7.13	7.4	6.4	5.3	6	7	6.7	8.1	6.57	6.86	6.56	7.5	7.5	6.7	7.5	7.4	8.1	6.6	7.34	8.2	8.20	6.75	2.76	1	
8	161446066	Nguyễn Thành	Đồng	10/10/1989	K16DCD3	7.1	4.7	6.7	8.6	7.2	8	6.71	6.8	9.7	6.1	7.3	5.8	6.8	5.7	6.4	9.8	6.79	6.76	6.4	5.7	6.3	4.7	7.3	5.2	4.6	5.7	5.71	5.7	6.4	5.8	5.9	6.9	5.7	6.4	6.08	5.89	6.29	7.5	7.7	7	6	5.7	7.5	6.8	6.76	3.7	3.70	6.31	2.39	1	
9	161446068	Hoàng Văn	Dức	25/12/1991	K16DCD5	7.1	4.4	4.9	7.3	5.9	6	5.79	5.1	7.4	5.1	5.6	5	6.1	5.1	7.9	8	5.86	5.84	5.7	5.3	6.9	5.6	7.3	5.8	5.6	5.7	6.08	7.2	6.5	6.1	5.1	4.7	7.3	8.2	6.40	6.24	6.05	7.3	5.7	6.2	0	6.8	7.3	8.1	5.60	5.4	5.40	5.95	2.23	1	
10	161446072	Võ Thị Kim	Dung	20/08/1991	K16DCD3	7.6	8.7	7.6	6.5	7.1	7.8	7.57	7.5	8.7	6.6	9.2	7	9.1	7.3	5.9	8.4	7.80	7.71	7.8	7	9.2	9.1	7.7	7.8	7.6	5.9	8.09	8	7.4	6.7	7.7	8	6.8	8.2	7.46	7.78	7.75	8.3	7.8	6.9	8.5	8.4	8.4	8.2	8.12	0	0.00	7.64	3.29	1	
11	161446074	Hồ Thị Thuý	Dung	10/12/1992	K16DCD2	7.6	5.9	7.1	7.2	7.4	8.8	6.98	8.3	8.1	6.9	7.7	7	8.4	5.7	6.7	9.1	7.34	7.2	7.4	7.3	8	9	7.3	7.5	7.9	6.2	7.82	8.6	7.5	7.4	7.7	7.6	6.9	7.7	7.57	7.70	7.47	9	7.4	7.4	8	6.8	8.4	0	6.80	7.5	7.50	7.35	3.10	1	
12	161446984	Huỳnh Thị Ngọc	Duyên	06/04/1991	K16DCD4	7.6	6.2	7.1	0	7.1	5.7	5.78	5	7.9	6.1	7.3	5.1	6.9	5	4.7	5.9	6.06	5.95	5.9	6.8	8.7	8.3	8.4	7.8	6.7	7.1	7.64	8.3	5.6	7	6.8	6.6	7.2	8.4	7.02	7.34	6.71	7.9	7.1	7.4	6.1	5.7	8.5	7.3	6.99	6.4	6.40	6.75	2.73	1	
13	161446895	Nguyễn Ngọc	Hà	06/01/1991	K16DCD5	6.4	5.9	7.3	6.8	7.3	6	6.72	7.2	5.9	6.2	6.1	6.1	7.6	5.6	4.5	6.9	6.19	6.4	7.4	5.9	7.7	6.7	5.7	6.5	6.1	5.2	6.56	7.5	6.3	6.5	0	6.4	8	6.7	5.76	6.17	6.27	7.5	6.2	6.9	6.7	6.8	7.2	6.9	6.87	8.5	8.50	6.44	2.56	1	
14	161446088	Vũ Đức	Hạnh	26/03/1991	K16DCD5	5.6	5	6.5	7.9	6.4	3.9	6.18	6.4	6	5.2	7.4	4.9	5.6	4.4	4.2	7.2	5.56	5.8	6.3	3.7	6	5	6.2	7.6	5.8	4.3	5.88	7.8	5.6	5.6	6.3	4.7	7.2	6.6	6.24	6.06	5.94	7.2	7.2	6.9	6.3	5.7	7.8	7.4	6.81	7.3	7.30	6.13	2.27	1	
15	161446083	Ngô Hoàng	Hải	25/11/1991	K16DCD4	7.4	5.4	6.6	6	8.4	6.5	6.78	7.6	8.7	5.3	6.5	5.1	6.9	5.6	5.5	6.1	6.39	6.54	7.7	7.2	6.8	7.5	6.1	5.7	0	7.7	5.69	5.4	5.5	4	4.2	5.9	4.8	6	5.01	5.36	5.90	7.9	6	6.7	5.9	5.2	7.7	7.3	6.53	7.9	7.90	6.06	2.31	1	
16	151445473	Nguyễn Nhật	Hiển	14/08/1991	K16DCD1	7.3	6	7.4	6.7	6.4	0	6.67	6.8	6.7	0	5.2	6	5.6	5.9	6.9	0	5.42	5.9	7.3	6.7	6.5	5.6	6.8	6	5.4	6.7	6.26	6	5.7	4.9	5.6	5.9	6	7.4	5.84	6.06	5.99	6.7	6.1	6.4	6.4	6.1	6.7	5.6	6.28	6.8	6.80	6.06	2.28	1	
17	161446098	Phan Thị Thanh	Hoà	15/12/1992	K16DCD3	7.8	4.8	6.6	6.5	7.3	6.5	6.51	5	7.7	5.8	6	6.5	8.2	0	4.9	6.3	5.39	5.82	6.4	6.5	6.4	7.4	6.8	5.5	6.6	7.1	6.52	8.1	6.1	5.9	6.8	6.5	6.9	7.4	6.73	6.62	6.26	8.3	6.8	7.3	6.7	6.2	7.9	6.8	7.06	5.2	5.20	6.38	2.51	1	
18	161446100	Lê Thị Mỹ	Hòa	12/10/1992	K16DCD5	2.5	4.2	0	6.8	5.1	4.9	3.88	6.6	5.8	4.8	5	5.4	7.1	5.6	4.3	7.4	5.63	4.95	5.9	5	6.9	6.5	5.9	6.3	5.6	5.9	6.07	7.7	5.9	6.4	5.8	5.7	7.7	6.8	6.54	6.30	5.69	7	5.5	6.3	6.6	6.1	7.1	6.5	6.43	4.9	4.90	5.81	2.12	2	
19	161446102	Nguyễn Minh	Hoàng	03/02/1992	K16DCD2	7.7	5.9	6.7	6.1	9.8	10	7.34	6.7	8.6	6.3	7.9	6.5	7.6	7.5	6.3	9.1	7.25	7.29	6.5	7.2	7.1	9.2	7.5	7.8	3.4	5.7	6.97	7.6	6.7	5.2	6.2	7.4	6.4	7.4	6.57	6.78	7.01	8.6													

STT	masv	HỌ TÊN	TÊN	NGSINH	LỚP																				SỐ MÔN	NG																															
						Viết tiếng việt	toán Cao Cấp C	anh văn SC 1	tổng quan du lịch	tin đại cương	TD&đền kinh	HK1	anh văn SC 2	X&BT/V	tổng quan ngành lưu trữ	Xác xuất thống kê	NNLCB Triết học 1	Kinh tế vi mô	Nguyên lý kế toán 1	Pháp luật đại cương	GDTC 2	0	19	31			anh ngữ TC 1	âm thực VN	Nguyên lý kế toán 2	tin học ứng dụng	tài nguyên du lịch	ân bản kinh tế vi mô	Đương lố CM của DCSVN	Cầu lông cabin	HK 3	kỹ năng xin việc	tiếp thị du lịch	giới thiệu nghiệp vụ nhà hàng	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Nghiệp vụ buồng phòng	hệ thống thông tin quản lý	Quản trị học	HK4	HK3+4	HKH	Nghệ thuật Bán	Thiết kế & Điều hành Tour Du Lịch	Quản Trị Sư Kiện	Phân Tích Thống Kê Du Lịch	Quản Trị Tài Chính 1	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	Nghiệp vụ lễ tân (TC 1)	HK5	anh văn lễ tân	HK6	TB 6HK (10)	TB 6HK (4)
2	3	2	2	3	1	12	2	2	2	3	2	3	3	2	0	19	31	2	2	3	3	3	3	3	3	3	19	2	3	3	3	2	3	2	18	37	68	2	2	2	3	3	2	2	16	2	2	86									
4	161446069	Lương Thị Thuý	Dung	04/04/1992	K16DCD4	7.7	6.3	8	6.1	7.2	6.2	7.01	8	7.9	5.6	7.1	5.5	7.8	6.5	0	7.6	6.22	6.53	7.5	6.9	6.8	7.6	5.8	5.9	5.1	8.7	6.44	8	6.2	5.8	0	6	6.7	7.7	5.53	6.00	6.24	8.4	5.6	6.3	6.5	5.6	7.6	6.8	6.61	8.2	8.20	6.35	2.55			
5	161446870	Phùng Minh	Giác	08/05/1991	K16DCD3	6	4.7	7.3	5.7	7	6.2	6.09	5.3	5.8	5.1	6.5	4.9	6.9	4.3	3.9	5.6	5.43	5.68	5.2	6	6.2	6.4	5.7	4.7	4.9	5.6	5.58	6.7	6.8	1.9	2.7	5.6	5.2	6.2	4.82	5.21	5.43	6.1	0	6.6	0	5.9	7.2	6	4.34	5.3	5.30	5.22	1.81	5		
6	161446085	Hồ Thị Thanh	Hằng	25/08/1991	K16DCD3	7.8	4.5	8.3	7.2	7.7	6.5	6.93	7.5	8.8	8.6	6.7	7.2	7.5	0	5.3	6.1	6.18	6.47	6.9	6.8	0	0	7.7	6.8	5.9	5.3	4.66	8.3	8.2	7.1	7.4	7.5	7.4	8.6	7.73	6.15	6.30	8.3	8.2	7.3	6.3	6.2	8.1	7.2	7.23	5.5	5.50	6.45	2.69	3		
7	161446086	Đỗ Thị Trâm	Hằng	13/10/1992	K16DCD2	7.3	5.8	6	5.7	7.4	7.6	6.47	6.3	8.8	6	0	0	5.7	4.5	5.1	7.4	4.37	5.18	5.4	6.4	6.7	7.9	6.8	7	0	8.2	5.73	7.7	5.6	5.9	0	6.6	6.1	7.8	5.39	5.56	5.39	7.9	6.9	7.3	7.2	6.7	7.5	7.5	7.24	7.4	7.40	5.78	2.28	4		
8	161446091	Hoàng Trung	Hậu	14/09/1992	K16DCD1	6.5	6	6.8	0	6.3	4.1	5.29	7.2	0	0	4.6	3.5	6.9	6	0	5.1	3.89	4.43	0	0	0	5.6	0	0	0	0	0.88	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0.45	2.27	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0.00	1.79	0.66	26			
9	161447339	Mai Thị	Hiếu	21/07/1992	K16DCD4	6.2	7.3	7.8	8.9	6.8	7.4	7.34	8.1	9.1	7.9	6.8	6.8	7.7	7	5.7	8.6	7.35	7.35	7.4	8.4	6.9	7.6	8.3	6.1	5.4	8.7	7.08	8.2	8.2	7.4	7.8	7.4	7.1	7.6	7.66	7.36	7.36	7.5	7.2	7.4	0	0	8	7	4.64	6.8	6.80	6.84	2.85	2		
10	161446101	Trần Thị Duy	Hòa	10/09/1991	K16DCD1	7.7	5.8	6.3	7.3	5.9	5.7	6.48	6.3	8.7	7.4	6.4	7.3	7	0	5.6	6	5.83	6.08	6	8.4	6.3	5.5	6.8	5.8	7.5	5.9	6.55	5.5	6.3	7.4	8.4	8.2	7	6.9	7.14	6.84	6.49	6.2	4.2	6.3	0	7	8.4	5.2	5.10	6.2	6.20	6.23	2.45	2		
11	161446120	Lê Thị Diệu	Huyền	25/10/1992	K16DCD4	7.8	4.7	7.2	5.8	8.2	7.6	6.69	7.8	8.8	5.6	5.3	6.2	7.6	6.3	5.7	8.6	6.62	6.65	7	6.3	6.6	7.7	7.2	5.9	5.8	6.2	6.64	7.7	6.1	5.9	0	7.1	6.6	7.7	5.60	6.14	6.37	6.8	7.5	7.8	6.5	0	8.2	7.7	5.97	6.8	6.80	6.30	2.53	2		
12	161446125	Trịnh Duy	Khoa	22/12/1992	K16DCD4	6.2	5.5	6.3	0	8.2	7.4	5.51	7.2	7.5	0	9.2	5.5	6.6	6	5.6	9.6	6.16	5.91	7.5	6	7.1	8.5	6.1	6.6	0	8.2	5.89	7.7	6.6	5.2	0	6.3	6.1	8	5.43	5.66	5.78	7.8	6.7	7	6.3	6.2	7.9	6.4	6.82	5.8	5.80	5.97	2.41	4		
13	161446128	Phạm Thị	Kiều	08/07/1992	K16DCD1	6.7	5.5	7.2	6.2	6.6	7.4	6.38	7	7	6.9	6.8	6.7	7.7	5.7	6.7	8.1	6.80	6.64	7.6	8.6	9.1	9	7.3	6	6.6	7.7	7.71	8.6	6.2	7.1	7.9	8.2	7	7.7	7.42	7.57	7.14	8.2	1.8	7.1	6.7	0	8.2	0	4.42	0	0.00	6.47	2.67	4		
14	161446144	Nguyễn Thành	Long	13/10/1992	K16DCD5	6.4	6.1	7	7.3	6.9	7.3	6.70	7.3	7.2	4.2	6.3	6.6	7	6.1	4.8	6.5	6.23	6.41	6.4	5.5	6.3	6.9	0	5.8	5	4.7	5.04	7.2	6.9	6.2	0	7.3	7.3	6.7	5.76	5.39	5.86	7.2	6.6	5.6	5.7	5.4	7.5	6	6.19	6.2	6.20	5.93	2.27	2		
15	161446162	Trần Thị Diễm	My	06/03/1991	K16DCD4	6.9	6.2	7	6.4	6.5	6.9	6.56	7.4	8.6	6.5	7.1	6.3	7.9	0	5.8	7.4	6.01	6.22	6.5	6.2	6	5.4	6.2	7.3	5	4.9	6.06	5.5	4.7	5	0	6.4	4	5.8	4.25	5.18	5.65	7	5.1	5.7	0	4.7	5.5	6.1	4.56	5.2	5.20	5.44	2.05	3		
16	151135158	Nguyễn Việt	Nam	07/09/1991	K16DCD4	7.3	0	4.6	5.2	8.4	8.6	4.95	0	7.7	0	0	5.9	7	4.2	1.8	6.8	3.39	3.99	0	0	4.7	0	4.2	0	5.8	4.5	2.32	0	0	3.4	0	3.2	0	6.1	1.60	1.97	2.89	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0.00	2.29	0.75	23			
17	161447633	Trần Như	Nghĩa	10/02/1992	K16DCD4	6.1	4.8	5.2	5.7	6.5	7.7	5.66	6.5	7.8	4.6	4.8	4.9	0	6.4	4.6	6.5	4.76	5.11	6.1	0	7.3	5.9	4.3	7.1	5	7.5	5.32	3.9	6	5.9	0	0	0	7.2	3.22	4.29	4.66	4.5	6.3	6.5	0	5.8	7.1	5.6	4.84	3.9	3.90	4.68	1.67	8		
18	161446763	Lương Thị Tô	Ngọc	10/10/1992	K16DCD1	6.5	4.6	0	5.7	6.3	7.6	4.76	6.5	6.1	5.8	5.3	5.8	5.7	4	4.3	9.8	5.37	5.13	5.7	6	6.1	5.3	6.7	6.6	7.3	6.1	6.28	7.2	4.3	5.8	0	7.8	6	7.1	5.14	5.73	5.46	7.3	4	5.1	5.9	0	6.8	6.3	4.79	6.3	6.30	5.35	1.94	3		
19	161446189	Mạc Như	Nhân	04/01/1992	K16DCD3	7.4	2.4	5.8	5.9	6.6	7	5.43	4.7	7.7	6.1	7.2	5.8	7.7	0	4.2	8	5.35	5.38	0	6.8	0	5.1	6.2	4.2	5.9	6.5	4.09	5.9	6	5.5	3.3	7.5	5	5.9	5.44	4.75	5.04	7.3	4.5	6.2	4.4	5.7	7.1	5.8	5.76	3.9	3.90	5.15	1.78	6		
20	151136413	Trần Quang Tuấn	Nhật	18/01/1991	K16DCD2	5.6	0	6	0	6.4	0	3.53	5.9	8.2	6.1	0	4.7	7.9	6.4	5	0	5.41	4.68	6.3	7	4.3	0	6.1	6	5.7	5	4.89	0	6.5	3.8	5.6	6.1	4	7.4	4.82	4.85	4.78	6.7	5.7	5.9	3.9	0	4.3	6.5	4.37	5.2	5.20	4.71	1.63	8		
21	161446198	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	07/07/1992	K16DCD1	5.4	5.8	6.5	5.8	4.5	4.9	5.53	6.1	6.6	5.6	5.7	5.8	6.1	5.7	4.1	6.1	5.73	5.65	5.1	5.4	5.1	7.8	6.2	6	5.7	4.4	5.97	5.5	4.2	5.2	0	6.9	6	6.4	4.66	5.33	5.48	7.9	0	0	6.2	6.3	7.6	6.5	5.09	6.9	6.90	5.44	1.99	3		
22	161446199	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	12/06/1992	K16DCD3	7.6	7.2	8.5	6.6	7	6	7.33	6.5	6.3	0	0	5.6	6.8	5.5	4.2	5.9	4.32	5.49	7.2	7	7.3	9.1	5.6	6	6.9	4	7.01	7.9	5.9	7	6.8	7.9																				

STT	masv	HỌ TÊN	TÊN	NGSINH	LỚP	SỐ TC	TỶ LỆ	GIÁO DỤC TC	GIÁO DỤC QP	NƠI SINH	GIỚI TÍNH
						NỖ	% NỖ				
A. DIỆN DƯ ĐK DỰ THI											
1	161446040	Nguyễn Thị Tú	Anh	15/02/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
2	161446041	Lê Thuý	Anh	25/08/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
3	161446047	Nguyễn Văn Vũ	Bảo	24/05/1989	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
4	161446486	Huỳnh Thị	Bình	06/05/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
5	161446982	Khuong Duy	Đại	08/10/1990	K16DCD5	0	0.00%		Đạt	Đà Nẵng	Nam
6	151324634	Nguyễn Thị Nguyên	Diễm	09/11/1991	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	0	Nữ
7	161446062	Lương Thị Thùy	Diễm	20/10/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Bình Định	Nữ
8	161446063	Nguyễn Thị	Diệu	22/05/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
9	161447410	Hồ Thị	Diệu	10/02/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Trị	Nữ
10	161446693	Trần Quang	Dự	22/04/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Bình	Nam
11	161446070	Nguyễn Thủy	Dung	04/11/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
12	161446073	Ngô Thị Phương	Dung	04/08/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
13	161446758	Nguyễn Thị Minh	Dung	03/11/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
14	161447411	Lưu Thị Thanh	Dung	16/12/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Bình Định	Nữ
15	161446077	Lê Thị Cẩm	Duyên	11/09/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
16	161446078	Nguyễn Thị Bích	Duyên	19/12/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
17	161446079	Đình Công	Em	05/12/1991	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nam
18	161446080	Nguyễn Ngọc Hà	Giang	12/11/1991	K16DCD2	0	0.00%		Đạt	Đà Nẵng	Nữ
19	161446082	Phan Hồ Thị Thuý	Hà	04/08/1991	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
20	161446613	Đặng Thị Mỹ	Hằng	02/02/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Ngãi	Nữ
21	161446087	Trần Thị Mỹ	Hạnh	30/01/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
22	161446090	Trần Mai Dạ	Hào	29/01/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
23	161446828	Trần Thị Thu	Hiền	25/08/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
24	161446095	Trần Thị Lê	Hiếu	28/09/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
25	161446096	Võ Thị Kim	Hoa	07/06/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
26	161446097	Ngô Thị Mỹ	Hoa	02/01/1991	K16DCD1	0	0.00%		Đạt	Quảng Nam	Nữ
27	161447609	Lê Thị	Hoa	26/03/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
28	161446104	Phạm	Hội	20/12/1990	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nam
29	161446105	Trần Thị	Hồng	25/10/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
30	161447610	Trần Thị Diệu	Hồng	15/05/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
31	161446110	Nguyễn Thị Trà	Hương	26/06/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
32	161446111	Trương Thị	Hương	01/08/1991	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
33	161135922	Trần Thanh	Huy	10/01/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	0	Nam
34	161447156	Trần Thị Ngọc	Huyền	25/09/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
35	161446122	Cao Thị Như	Huỳnh	20/11/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
36	151445448	Thái Tuyết	Lê	07/11/1991	K16DCD5	0	0.00%		Đạt	Đà Nẵng	Nữ
37	161446135	Nguyễn Thị	Liên	06/02/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Ngãi	Nữ
38	161446136	Thái Hoài	Linh	17/11/1991	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
39	161446140	Châu Thị Mỹ	Linh	06/02/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Huế	Nữ
40	161446987	Phan Lê Mỹ	Linh	08/08/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
41	161325431	Phạm Thị Kim	Loan	25/06/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
42	161446143	Nguyễn Thị Xuân	Lộc	19/02/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
43	161446145	Tổng Phan	Luân	28/11/1991	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Trị	Nam
44	161446147	Phạm Thị Ngọc	Ly	25/08/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ

STT	masv	HỌ TÊN	TÂN	NGSINH	LỚP	SỐ TC	TỶ LỆ %	GIÁO DỤC TC	GIÁO DỤC QP	NOI SINH	GIỚI TÍNH
45	161446616	Trần Thị	Ly	10/07/1991	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
46	161446152	Nguyễn Thị Thiên	Lý	14/06/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	0	Nữ
47	161446761	Nguyễn Thị	Mai	08/04/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
48	161446156	Trần Anh	Mẫn	03/05/1991	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
49	161446157	Trần Lê Gia	Miễn	14/09/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
50	161446158	Nguyễn Thị Thục	Minh	27/10/1992	K16DCD1	0	0.00%		Đạt	Đà Nẵng	Nữ
51	161446168	Phan Tấn	Nam	19/10/1991	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Ngãi	Nam
52	161446173	Trần Việt Quỳnh	Nga	23/08/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
53	161446175	Trần Thị Mỹ	Nga	23/08/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
54	161447526	Lê Nữ Quỳnh	Nga	20/04/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Bình	Nữ
55	161446179	Lê Quang	Nghĩa	13/02/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
56	161446180	Hồ Trọng	Nghĩa	29/05/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Bình Định	Nam
57	161446182	Trương Lê Thị Ánh	Ngọc	10/12/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
58	161446183	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	26/06/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
59	161446192	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10/02/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
60	161446193	Phan Hoàng Khiếu	Nhi	05/10/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
61	161447076	Phan Thị Thanh	Nhi	26/12/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
62	161446196	Nguyễn Thị Kim	Nhung	18/03/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
63	161446197	Nguyễn Thị Thanh	Nhung	01/02/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
64	161446201	Trần Thị Út	Ni	01/09/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
65	161446203	Lê Thị Thuý	Ny	05/08/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
66	161446204	Huỳnh Thị Trang	Ny	09/11/1991	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
67	161446205	Thái Thị Lê Hân	Ny	17/02/1991	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
68	161446989	Nguyễn Thị Hồng	Oanh	01/08/1992	K16DCD5	0	0.00%		Đạt	Quảng Nam	Nữ
69	161325563	Trần Lâm	Phát	03/02/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nam
70	161446218	Lê Hoàng Thanh	Phương	21/07/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
71	161446220	Trần Thị Mai	Phương	05/09/1991	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
72	161446222	Trần Thị Uyên	Phương	26/04/1992	K16DCD2	0	0.00%		Đạt	Đà Nẵng	Nữ
73	161446223	Nguyễn Thị Thu	Phương	08/08/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Huế	Nữ
74	161446224	Huỳnh Mai	Phương	09/02/1991	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
75	161446991	Đỗ Thị	Phương	20/07/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
76	161446226	Phạm Phú	Quí	15/04/1992	K16DCD4	0	0.00%		Đạt	Quảng Nam	Nữ
77	161325610	Trần Quỳn	Quỳn	19/06/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
78	161446227	Nguyễn Thị Bảo	Quỳn	21/04/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
79	161446873	Đặng Thị Lệ	Quỳn	12/02/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
80	161446232	Phạm Thị	Sao	03/03/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Hà Tĩnh	Nữ
81	161446233	Lê Thị Hồng	Sen	19/12/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
82	161446235	Võ Thị Hồng	Sương	11/05/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
83	161446237	Nguyễn Thị Như	Tắc	28/02/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Bình	Nữ
84	161446238	Hứa Thị	Tài	02/10/1991	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
85	161446239	Võ Hùng	Tài	31/05/1988	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nam
86	161446240	Trần Thị	Tám	01/04/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Bình	Nữ
87	161446241	Phan Thị Thanh	Tám	19/05/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
88	161446246	Đỗ Thị Kim	Thanh	02/12/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
89	161446247	Trần Thị	Thanh	08/08/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Bình	Nữ

STT	masv	HỌ TÊN	TÊN	NGSINH	LỚP	SỐ TC	TỶ LỆ %	GIÁO DỤC TC	GIÁO DỤC QP	NƠI SINH	GIỚI TÍNH
						NỢ	NỢ				
90	161446905	Phạm Thị Kim	Thanh	03/05/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
91	161446252	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	01/01/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
92	161446256	Nguyễn Thị Xuân	Thảo	03/02/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
93	161446261	Nguyễn Tấn	Thảo	10/10/1991	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Bình Định	Nam
94	161447414	Lương Thị Phương	Thảo	10/05/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
95	161447415	Nguyễn Bá	Thích	06/10/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Bình Định	Nam
96	161447527	Nguyễn Hoàng	Thiện	05/01/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà lăk	Nam
97	161446263	Nguyễn Phạm Đức	Thịnh	21/01/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
98	161446268	Đoàn Thị Hồng	Thu	05/12/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
99	161446269	Lê Thị Nhật	Thư	14/05/1991	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
100	161446270	Nguyễn Bảo	Thư	02/08/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
101	161446272	Cao Thị Mỹ	Thuận	30/05/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
102	161446273	Mai Thị Hoài	Thương	14/04/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
103	161447079	Lê Thị Kim	Thương	12/05/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
104	161446280	Hứa Thị Bích	Thủy	09/01/1991	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
105	161446621	Lê Thị Thanh	Thủy	02/05/1991	K16DCD5	0	0.00%	Đạt		Quảng Nam	Nữ
106	161446283	Trần Thị Diệu	Thúy	25/09/1991	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Trị	Nữ
107	161446992	Trần Thị Thanh	Thúy	26/04/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
108	161447160	Nguyễn Thị Diệu	Thúy	03/11/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
109	161446286	Nguyễn Thị Thuý	Tiến	09/04/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
110	161446490	Ngô Thị Thuý	Tiến	01/06/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Huế	Nữ
111	161446289	Huỳnh Thị Xuân	Tinh	09/10/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
112	161446290	Trần Văn	Toàn	05/08/1989	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
113	161325731	Vũ Thị Hồng	Trâm	27/03/1991	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
114	161447052	Trần Thị	Trâm	14/01/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
115	161446293	Nguyễn Nhật Bảo	Trần	09/02/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
116	161325759	Dương Thị Hà	Trang	28/03/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Trị	Nữ
117	161446297	Tôn Thị Hoài	Trang	17/11/1991	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
118	161446766	Tạ Thị Hồng	Trang	19/11/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
119	161446491	Nguyễn Thị	Trinh	10/03/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
120	161447161	Cù Thị Kiều	Trinh	21/12/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
121	151445332	Nguyễn Thị Anh	Trúc	13/11/1991	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
122	161325779	Dương Khả	Tú	22/09/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
123	161446314	Đinh Thị Cẩm	Tú	15/06/1992	K16DCD5	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Bình	Nữ
124	161446316	Nguyễn Mạnh	Tuấn	10/01/1991	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
125	151135694	Đặng Thanh	Tùng	01/06/1991	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	0	Nam
126	161446906	Lê Thanh	Tuyền	03/12/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
127	161446319	Nguyễn Bình Phương	Uyên	25/07/1992	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
128	161446322	Ôn Thị	Vi	12/01/1991	K16DCD4	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
129	161446323	Nguyễn Thị Tường	Vi	09/11/1992	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
130	161446329	Phan Nguyễn Hồng	Vy	12/07/1991	K16DCD3	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
131	161446330	Lê Thị Ánh	Vy	24/05/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
132	161446333	Ngô Thị Thanh	Xuân	08/10/1992	K16DCD1	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
133	161446338	Nguyễn Thị Hải	Yến	15/05/1992	K16DCD2	0	0.00%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ

STT	masv	HOÙ LOÏT	TÂN	NGSINH	LẤP	SỐ TC NỢ	TỶ LỆ % NỢ	GIÁO DỤC TC	GIÁO DỤC QP	NOI SINH	GIỚI TÍNH
1	161446037	Nguyễn Lê Thuý	An	31/10/1992	K16DCD1	3	3.30%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
2	161446039	Lê Ngọc	Anh	30/03/1992	K16DCD2	3	3.30%		Đạt	Đà Nẵng	Nữ
3	161446042	Lê Hồng	Anh	22/08/1992	K16DCD5	3	3.30%		Đạt	Đà Nẵng	Nữ
4	161447671	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	12/06/1991	K16DCD5	3	3.30%		Đạt	0	Nữ
5	161446054	Nguyễn Thị Quý	Chi	05/09/1992	K16DCD5	3	3.30%	Đạt	Đạt	Huế	Nữ
6	161447467	Lại Nguyễn Huy	Cường	08/06/1991	K16DCD3	4	4.40%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nam
7	161446065	Lê Văn Trung	Đông	25/02/1992	K16DCD2	2	2.20%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
8	161446066	Nguyễn Thành	Đông	10/10/1989	K16DCD3	2	2.20%	Đạt	Đạt	Bình Định	Nam
9	161446068	Hoàng Văn	Đức	25/12/1991	K16DCD5	3	3.30%	Đạt	Đạt	Hà Tĩnh	Nam
10	161446072	Võ Thị Kim	Dung	20/08/1991	K16DCD3	2	2.20%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
11	161446074	Hồ Thị Thuý	Dung	10/12/1992	K16DCD2	2	2.20%	Đạt	Đạt	Gia Lai	Nữ
12	161446984	Huỳnh Thị Ngọc	Duyên	06/04/1991	K16DCD4	2	2.20%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
13	161446895	Nguyễn Ngọc	Hạ	06/01/1991	K16DCD5	3	3.30%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
14	161446088	Võ Đức	Hạnh	26/03/1991	K16DCD5	2	2.20%		Đạt	Nghệ An	Nam
15	161446083	Ngô Hoàng	Hải	25/11/1991	K16DCD4	3	3.30%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
16	151445473	Nguyễn Nhất	Hiển	14/08/1991	K16DCD1	2	2.20%			Quảng Nam	Nam
17	161446098	Phan Thị Thanh	Hoà	15/12/1992	K16DCD3	3	3.30%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
18	161446100	Lê Thị Mỹ	Hòa	12/10/1992	K16DCD5	4	4.40%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
19	161446102	Nguyễn Minh	Hoàng	03/02/1992	K16DCD2	3	3.30%	Đạt	Đạt	Quảng Trị	Nam
20	161447654	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	20/02/1992	K16DCD5	4	4.40%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
21	161446132	Nguyễn Thị Thanh	Lệ	26/09/1992	K16DCD4	3	3.30%	Đạt	Đạt	Bình Định	Nữ
22	161446139	Trần Thị	Linh	01/09/1992	K16DCD5	3	3.30%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
23	161325434	Ngô Công	Lộc	01/01/1992	K16DCD3	3	3.30%		Đạt	0	Nam
24	161446146	Đỗ Lê Trần Yến	Ly	14/04/1992	K16DCD4	2	2.20%	Đạt	Đạt	Bình Định	Nữ
25	161446159	Nguyễn Hữu Nhật	Minh	20/08/1992	K16DCD3	3	3.30%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
26	161446172	Trần Thị Thanh	Nga	11/02/1992	K16DCD4	3	3.30%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
27	161446174	Nguyễn Thị Mỹ	Nga	01/02/1992	K16DCD1	2	2.20%	Đạt	Đạt	Gia Lai	Nữ
28	161446191	Huỳnh Quang	Nhật	16/01/1992	K16DCD5	2	2.20%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
29	151445403	Trần Tuyết	Nhung	19/09/1991	K16DCD2	3	3.30%		Đạt	Đà Nẵng	Nữ
30	152614349	Đặng Thị Lan	Phương	27/07/1991	K16DCD3	3	3.30%	Đạt		0	Nữ
31	161325644	Lê Hoàng	Thái	21/09/1992	K16DCD5	3	3.30%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
32	161446243	Phan Văn	Thắng	16/04/1991	K16DCD2	2	2.20%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
33	151445355	Nguyễn Phước Tôn Nữ Thị Thanh	Thảo	24/02/1991	K16DCD5	3	3.30%		Đạt	0	Nữ
34	161446253	Lê Đoàn Phương	Thảo	06/11/1992	K16DCD1	3	3.30%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
35	161447469	Phạm Thị Thanh	Thảo	20/07/1992	K16DCD1	3	3.30%	Đạt	Đạt	Huế	Nữ
36	161447634	Phạm Nguyễn Minh	Thuy	17/03/1992	K16DCD3	3	3.30%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
37	161446287	Đặng Thị Thuý	Tiến	08/05/1992	K16DCD5	3	3.30%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
38	161137155	Nguyễn Phi Thu	Trâm	17/10/1990	K16DCD5	3	3.30%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
39	161446299	Trần Thị Tư	Trang	02/02/1992	K16DCD5	3	3.30%	Đạt	Đạt	Quảng Ngãi	Nữ
40	161446307	Phạm Thị Cẩm	Trinh	28/09/1991	K16DCD1	4	4.40%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
41	161446623	Trần Thị Minh	Yến	08/12/1992	K16DCD3	3	3.30%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
C. DIỆN KHÔNG ĐỦ ĐK DƯ' THI											
1	161446051	Phạm Thanh	Bình	02/08/1991	K16DCD3	11	12.09%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nam
2	161446059	Nguyễn Tiến	Đạt	20/04/1992	K16DCD1	27	29.67%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
3	161446067	Trần Thị Minh	Đông	29/04/1992	K16DCD1	33	36.26%		Đạt	Quảng Ngãi	Nữ

STT	masv	HỌ TÊN	TÂN	NGSINH	LỚP	SỐ TC	TỶ LỆ %	GIÁO DỤC TC	GIÁO DỤC QP	NƠI SINH	GIỚI TÍNH
4	161446069	Lương Thị Thuý	Dung	04/04/1992	K16DCD4	5	5.49%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
5	161446870	Phùng Minh	Giác	08/05/1991	K16DCD3	13	14.29%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nam
6	161446085	Hồ Thị Thanh	Hàng	25/08/1991	K16DCD3	9	9.89%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
7	161446086	Đỗ Thị Trâm	Hàng	13/10/1992	K16DCD2	11	12.09%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
8	161446091	Hoàng Trung	Hậu	14/09/1992	K16DCD1	62	68.13%			Đà Nẵng	Nam
9	161447339	Mai Thị	Hiếu	21/07/1992	K16DCD4	6	6.59%	Đạt	Đạt	Huế	Nữ
10	161446101	Trần Thị Duy	Hòa	10/09/1991	K16DCD1	6	6.59%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
11	161446120	Lê Thị Diệu	Huyền	25/10/1992	K16DCD4	6	6.59%	Đạt	Đạt	Quảng Trị	Nữ
12	161446125	Trịnh Duy	Khoa	22/12/1992	K16DCD4	10	10.99%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
13	161446128	Phạm Thị	Kiểu	08/07/1992	K16DCD1	9	9.89%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
14	161446144	Nguyễn Thành	Long	13/10/1992	K16DCD5	6	6.59%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
15	161446162	Trần Thị Diễm	My	06/03/1991	K16DCD4	9	9.89%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
16	151135158	Nguyễn Việt	Nam	07/09/1991	K16DCD4	56	61.54%	Đạt	Đạt	0	Nam
17	161447633	Trần Như	Nghĩa	10/02/1992	K16DCD4	20	21.98%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nam
18	161446763	Lương Thị Tỏ	Ngọc	10/10/1992	K16DCD1	8	8.79%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
19	161446189	Mạc Như	Nhân	04/01/1992	K16DCD3	16	17.58%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
20	151136413	Trần Quang Tuấn	Nhật	18/01/1991	K16DCD2	22	24.18%			0	Nam
21	161446198	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	07/07/1992	K16DCD1	7	7.69%		Đạt	Quảng Nam	Nữ
22	161446199	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	12/06/1992	K16DCD3	5	5.49%		Đạt	Đà Nẵng	Nữ
23	161446912	Nguyễn Thị Hồng	Ni	03/10/1992	K16DCD5	22	24.18%	Đạt	Đạt	Khánh Hòa	Nữ
24	161446207	Nguyễn Ngọc Thục	Oanh	30/10/1992	K16DCD1	8	8.79%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
25	161447158	Phạm Hạnh	Phúc	07/01/1990	K16DCD4	28	30.77%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
26	161446216	Trần Văn	Phước	17/03/1991	K16DCD4	14	15.38%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nam
27	161446225	Trần Lê Minh	Phương	02/12/1991	K16DCD5	8	8.79%		Đạt	Đà Nẵng	Nữ
28	161447159	Trần Văn	Phương	08/04/1991	K16DCD5	54	59.34%		Đạt	Quảng Nam	Nam
29	161446219	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	01/01/1992	K16DCD3	14	15.38%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
30	161446230	Hoàng Thị Như	Quỳnh	19/06/1992	K16DCD2	29	31.87%	Đạt	Đạt	Nghệ An	Nữ
31	161446231	Nguyễn Lâm	Sang	10/10/1991	K16DCD3	6	6.59%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nam
32	161446248	Trần Thị Ngọc	Thanh	21/08/1992	K16DCD4	9	9.89%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
33	161447078	Nguyễn Trung	Thịnh	11/08/1992	K16DCD4	5	5.49%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
34	161446266	Nguyễn Thị Quỳnh	Thu	19/05/1992	K16DCD5	5	5.49%		Đạt	Quảng Nam	Nữ
35	161447470	Trần Nguyễn Uyên	Thư	14/03/1992	K16DCD3	8	8.79%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
36	161446276	Võ Thị Hoài	Thương	05/06/1992	K16DCD2	6	6.59%		Đạt	Quảng Nam	Nữ
37	161447051	Trần Thị Thanh	Tiến	17/04/1992	K16DCD3	18	19.78%	Đạt	Đạt	Quảng Nam	Nữ
38	161136756	Phạm Ngọc Đoan	Trang	04/12/1992	K16DCD1	39	42.86%		Đạt	0	Nữ
39	161446296	Dương Hoàng Quỳnh	Trang	14/04/1991	K16DCD5	11	12.09%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
40	161325764	Trần Ngọc	Trinh	17/8/1990	K16DCD5	20	21.98%		Đạt	0	Nữ
41	161446304	Trần Thị Ý	Trinh	09/11/1991	K16DCD3	16	17.58%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
42	161446305	Trần Thị Út	Trinh	01/09/1992	K16DCD2	34	37.36%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nữ
43	161446309	Nguyễn Vĩnh	Trọng	17/09/1991	K16DCD3	11	12.09%	Đạt	Đạt	Đà Nẵng	Nam
44	151445821	Phan Minh	Trung	11/05/1990	K16DCD3	8	8.79%			Quảng Nam	Nam
45	161446313	Vũ Quang	Trung	20/03/1991	K16DCD5	9	9.89%	Đạt	Đạt	Hà Nam Ninh	Nam
46	161446321	Hà Tường	Vân	02/07/1991	K16DCD5	8	8.79%		Đạt	Đà Nẵng	Nữ
47	151136047	Võ Lâm	Viễn	03/03/1991	K16DCD2	28	30.77%	Đạt	Đạt	0	Nam